ENGLISH 9

UNIT 8 CELEBRATIONS

GETTING STARTED + LISTEN AND READ

NEW WORDS:

- Celebrate (v)/ celebration (n): tổ chức lễ hội/ lễ hội
- Decorate (v)/ decoration (n): trang trí / sự trang trí
- Passover (n): Lễ quá hải
- Occur (v): xảy ra
- Slavery (n): nô lệ
- Sticky rice cake (n): bánh chưng
- Parade (n): cuộc diễu hành
- Live apart (v): sống xa nhau
- Freedom (n): sự tự do
- Joyful (a): vui mừng
- Ancient (a): cổ xưa